

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH CHỐNG MĨ – NGỤY Ở MIỀN NAM (1954-1965)

"Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước ta, thích hợp với tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong thời kì đó. Nó đã hoàn thành sứ mệnh của nó. Nhưng so với tình hình mới và nhiệm vụ cách mạng mới hiện nay thì nó không thích hợp nữa". Chính vì vậy, Quốc hội khoá I quyết định sửa đổi Hiến pháp. Bản Hiến pháp mới bao gồm Lời nói đầu, 10 chương và 112 điều. Là đạo luật cơ bản của Nhà nước ta, bản Hiến pháp đã bảo đảm một chế độ dân chủ thực sự. Nó xác nhận địa vị làm chủ đất nước của nhân dân: "Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân". Mọi quyền lợi và nghĩa vụ của người công dân (quyền bình đẳng nam nữ, bình đẳng dân tộc, bình đẳng trước pháp luật, tự do ngôn luận, tự do báo chí, hội họp, quyền làm việc, quyền nghỉ ngơi, quyền ứng cử, bầu cử...) được quy định rõ trong Hiến pháp và nhấn mạnh: "Nhà nước bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết để công dân được hưởng các quyền đó".

Hiến pháp năm 1960 khẳng định ý chí và nguyện vọng của nhân dân ta là kiên quyết xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, nhằm xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; đồng thời nó đặt cơ sở cho việc xây dựng một pháp chế xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

III- Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn và xây dựng lực lượng, tiến tới "Đồng khởi" (1954-1960)

Sẵn có dã tâm từ lâu, lợi dụng cơ hội Pháp bại trận, đế quốc Mĩ từng bước gạt Pháp để độc chiếm miền Nam Việt Nam. Ngay từ trước khi Hiệp định Giơnevơ được kí kết, ngày 7-7- 1954, Mĩ buộc Pháp truất bỏ Bửu Lộc ra khỏi chức Thủ tướng chính phủ bù nhìn để cho Ngô Đình Diệm lên thay. Tháng 9- 1954, Mĩ quyết định viện trợ thẳng cho Diệm không qua tay Pháp. Tháng 11-1954, Chính phủ Mĩ cử Tướng Côlin - Quyền Tổng tham mưu trưởng lục quân Mĩ và là đại diện Mĩ ở Ủy ban quân sự khối Bắc Đại Tây Dương sang làm đại sứ tại miền Nam Việt Nam. Côlin mang theo một kế hoạch gồm 6 điểm:

- 1- Ủng hộ chính quyền Diệm và viện trợ thẳng cho Diệm không qua tay Pháp.
- 2- Xây dựng cho Diệm một quân đội do Mĩ huấn luyện và trang bị.
- 3- Lập Quốc hội ở miền Nam để hợp pháp hoá ngụy quyền Diệm.

4- Thi hành cải cách điền địa và thực hiện định cư cho số người Công giáo miền Bắc di cư vào Nam.

5- Thay đổi các thứ thuế, ưu tiên cho hàng hoá và tư bản Mỹ tràn vào thị trường miền Nam.

6- Đào tạo cán bộ hành chính cho chính quyền Diệm.

Trước sức ép của Mỹ, ngày 13-12-1954, Pháp buộc phải kí với Mỹ bản hiệp ước giao trách nhiệm huấn luyện và trang bị quân ngũ miền Nam cho Mỹ. Ngày 19-12-1954, Pháp kí hiệp định trao quyền hành chính, chính trị ở miền Nam cho Ngô Đình Diệm. Giữa năm 1955, Chính phủ Pháp tuyên bố chấm dứt chế độ cao uỷ ở miền Nam Việt Nam. Ngày 14-4-1956, Pháp gửi cho hai đồng Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ (Liên Xô và Anh) thông báo quân đội Pháp sẽ rút khỏi Việt Nam và kể từ ngày 28-4-1956, nước Pháp không còn trách nhiệm thi hành Hiệp định Giơnevơ. Ngày 30-4-1956, đơn vị cuối cùng của thực dân Pháp rút khỏi miền Nam. Đến đây, Pháp hoàn toàn rũ bỏ trách nhiệm một bên thực hiện các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương. Cũng từ đây, Diệm tiến hành ráo riết cuộc thanh lọc, nắm quân đội, xây dựng miền Nam thành một "quốc gia vững mạnh" của "thế giới tự do", thành một tiền đồn chống cộng ở Đông Nam Á.

Để tạo chỗ dựa, Diệm cho thành lập các tổ chức chính trị phản động,

đáng chú ý là "Đảng Cần lao nhân vị" (do Ngô Đình Nhu cầm đầu), "Phong trào cách mạng quốc gia", "Thanh niên cộng hoà", "Phụ nữ liên đới". Những tổ chức này thu nhận các phần tử phản động trong các giai cấp địa chủ, tư sản, Thiên Chúa giáo và những phần tử có hận thù với cách mạng.

Tuy được Mỹ viện trợ, giúp đỡ, nhưng từ sau Hiệp định Giơnevơ, chính quyền Diệm vẫn bị uy hiếp từ nhiều phía: Các phần tử thân Pháp, nhất là các sĩ quan cấp tướng trong hàng ngũ quân đội Liên hiệp Pháp. Các giáo phái Cao Đài, Hoà Hảo, Bình Xuyên ở Nam Bộ, có lực lượng vũ trang riêng, đang kiểm soát nhiều vùng, kể cả Sài Gòn - Chợ Lớn.

- Lực lượng cách mạng của nhân dân tồn tại khắp các thôn, xã trên toàn miền Nam. Đây là lực lượng đối kháng lớn nhất, đe dọa sự tồn tại của chính quyền Mỹ - Diệm.

Để đối phó với tình hình trên, Diệm đưa ra chiêu bài "Đả thực" - thực chất là gạt Pháp để cho Mỹ độc chiếm miền Nam, "Bài phong" - thực chất là gạt Bảo Đại ra khỏi ngôi Quốc trưởng để cho Diệm thu tóm mọi quyền hành trong tay, "Chống cộng" - thực chất là chống nhân dân, chống tất cả những ai tán thành thống nhất đất nước. Diệm tiếp tục gạt các phần tử thân Pháp ra khỏi bộ máy chính quyền và các cấp chỉ huy

quân đội. Thực tế từ sau Hiệp định Giơnevơ, ở miền Nam Việt Nam đã diễn ra cuộc tranh giành quyền lợi giữa chủ nghĩa thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ với chủ nghĩa thực dân kiểu cũ của thực dân Pháp.

Đầu tháng 4-1955, Mỹ - Diệm tập trung lực lượng mở các cuộc hành quân tiêu diệt lực lượng vũ trang Bình Xuyên. Tiếp đó, bằng thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc kết hợp với tiến công quân sự, ngụy quyền Diệm đã tiêu diệt và làm tan rã lực lượng vũ trang Hoà Hảo, Cao Đài.

Sau khi dẹp tan lực lượng vũ trang của ba giáo phái, Diệm lo cải tổ chính phủ. Ngày 23-10-1955, chúng tổ chức "Trung cầu dân ý", phế truất Bảo Đại và Diệm tự xưng Tổng thống Việt Nam Cộng hoà. Ngày 4-3-1956, dưới sự chỉ đạo của Mỹ, Diệm tổ chức bầu "quốc hội" riêng rẽ và ngày 26-10-1956, ban bố "Hiến pháp Việt Nam cộng hoà". Đây là việc làm hoàn toàn bất hợp pháp và trái với Hiệp định Giơnevơ, nhằm biến miền Nam Việt Nam thành một quốc gia riêng biệt. Cùng với việc xây dựng chính quyền trung ương, Mỹ - Diệm ra sức củng cố chính quyền ở cấp cơ sở, bằng cách bổ nhiệm bọn tay chân làm xã trưởng, ấp trưởng và lập các tổ chức quần chúng trá hình, như "Liên gia tương trợ", "Nhân dân tự vệ đoàn", "Ngũ gia liên bảo" để kìm kẹp, khống chế nhân dân.

Như vậy, từ sau năm 1954, bằng những thủ đoạn tinh vi, trắng trợn và

rất xảo quyệt, đế quốc Mỹ đã thực hiện được âm mưu hất cẳng Pháp cùng bọn tay sai của Pháp, độc chiếm miền Nam. Một chính quyền tay sai mới, cực kì phản động, hiếu chiến và rất trung thành với đế quốc Mỹ, do Ngô Đình Diệm cầm đầu, được thiết lập. Chúng đại diện cho quyền lợi của giai cấp địa chủ và tư sản mại bản - một thế lực phản động đã bị cách mạng đánh đổ, được Mỹ nâng dậy, nên có tư tưởng phục thù rất sâu sắc. Miền Nam Việt Nam từ chỗ là thuộc địa kiểu cũ của thực dân Pháp, trở thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ.

Chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ và chủ nghĩa kiểu cũ của thực dân Pháp không khác nhau về bản chất, chỉ khác nhau về hình thức cai trị và thủ đoạn bóc lột. Với chủ nghĩa thực dân kiểu mới, đế quốc Mỹ không đặt bộ máy cai trị trực tiếp như thực dân Pháp trước đây, mà dùng chính quyền tay sai, với một hệ thống cố vấn dày đặc. Về thủ đoạn bóc lột, chúng thông qua "viện trợ" quân sự và "thương mại hoá", dùng sức mạnh quân sự và kinh tế để nắm chặt miền Nam. Bao trùm lên bộ máy chính quyền tay sai là toà Đại sứ Mỹ gồm hàng ngàn nhân viên các loại, tổ chức thành nhiều cơ quan cai trị. Trên thực tế, toà Đại sứ Mỹ không khác gì Phủ Toàn quyền Đông Dương trước đây. "Việt Nam cộng hoà" của tập đoàn Diệm, trên thực tế, chỉ là một thuộc địa của đế quốc Mỹ, tức là thị trường tiêu thụ hàng hoá thừa ế, là nơi đầu tư khai thác tài nguyên khoáng sản và bóc lột nhân công rẻ mạt.

Tuy nhiên, trong những năm 1954 - 1959, để nhanh chóng thiết lập một phòng tuyến ngăn chặn phong trào cách mạng, hoạt động của đế quốc Mỹ ở miền Nam nước ta chủ yếu nghiêng về các hoạt động nhằm xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự. Để tạo ra cơ sở pháp lí mới (giả tạo) cho những hoạt động vũ trang ở miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đã kí với Diệm các hiệp ước quân sự. Trong số đó, có ba hiệp ước đáng chú ý:

- Hiệp ước mạo danh "Hợp tác kinh tế" được kí dưới hình thức trao đổi văn thư giữa Mỹ và Diệm ngày 21-2-1955 và 7-3- 1955.

- Hiệp ước mạo danh "Hợp tác kinh tế" được kí kết dưới hình thức trao đổi văn thư giữa Mỹ và Diệm ngày 22, 23-4-1955 và 24, 25-6-1955.

- Hiệp ước mạo danh "Thu hồi vũ khí trang bị của viện trợ quân sự Mỹ", được kí dưới hình thức trao đổi văn thư giữa Mỹ và Diệm ngày 1-3 và 15-5-1955.

Dựa vào các hiệp ước trên, đế quốc Mỹ không ngừng đưa nhân viên, cố vấn quân sự vào miền Nam Việt Nam. Phái đoàn viện trợ quân sự (MAAG: Military Aid Advisory group) thành lập từ trong thời kì Pháp

tiến hành chiến tranh xâm lược Đông Dương, lẽ ra phải giải tán sau ngày kí Hiệp định Giơnevơ, nhưng trái lại, nó càng tăng lên cả số lượng và vai trò.

Từ chỗ có 200 nhân viên sau ngày đình chiến, đến giữa năm 1961, đã lên tới 3.500 tên, gồm đủ các ngành hải, lục, không quân. Từ chỗ chỉ làm nhiệm vụ kiểm soát việc sử dụng viện trợ, nó đã trở thành một bộ máy trực tiếp điều khiển trang bị vũ khí, huấn luyện, chỉ đạo kỹ thuật và chỉ đạo tác chiến.

Bên cạnh phái đoàn MAAG, còn có phái đoàn Tổ chức, huấn luyện, kiểm tra (TRIM: Training Réorganisation Inspection Mission), phái đoàn Huấn luyện tác chiến (CATO: Combat Army Training Organ).

Các loại vũ khí và phương tiện chiến tranh do Mỹ đưa vào miền Nam ngày càng tăng. Nếu tính giá trị, từ năm 1955 đến năm 1960, tổng số vũ khí và phương tiện chiến tranh do Mỹ đưa vào miền Nam là 1 5 tỉ đô la.

Hàng loạt căn cứ không quân được xây dựng khắp miền Nam. Các quân cảng Nhà Bè, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang... được mở rộng và trang bị hiện đại. Nối liền các căn cứ không quân và lục quân là hệ thống đường giao thông chiến lược hiện đại.

Đến tháng 6-1955, Mĩ đã xây dựng cho ngụy quyền Diệm một đội quân dưới quyền điều khiển trực tiếp của Mĩ gồm 10 sư đoàn bộ binh, 17 tiểu đoàn pháo binh, 5 tiểu đoàn xe tăng, thiết giáp và 54.000 quân địa phương. Mĩ - Diệm sử dụng đội quân này trước mắt nhằm tiêu diệt phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam, tiến tới thực hiện giấc mộng "lấp sông Bến Hải", vượt vĩ tuyến 17", "Bắc tiến". Về kinh tế, một mặt chính quyền Diệm thi hành một loạt chính sách và biện pháp nhằm kìm hãm và bóp nghẹt sự phát triển của các ngành kinh tế dân tộc; mặt khác chúng ưu tiên cho Mĩ và phe Mĩ đưa hàng thừa ế vào miền Nam, làm cho kinh tế dân tộc bị lũng đoạn và phụ thuộc vào Mĩ. Trong nông nghiệp, chúng ráo riết thực hiện chương trình "cải cách điền địa". Chúng đưa ra đạo dụ số 2 (8-1-1955) và đạo dụ số 7 (5-2-1955) nhằm tước đoạt thành quả về ruộng đất mà cách mạng đã đem lại cho nông dân, khôi phục quyền chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến. Đồng thời, chúng cũng đưa ra đạo dụ số 57 (22-10-1955) quy định phần ruộng đất đem phân phối cho nông dân là những ruộng bỏ hoang và đất "trúất hữu" của những địa chủ có trên 100 mẫu (riêng đối với những địa chủ có trên 100 mẫu mà chuyển sang trồng cây công nghiệp hoặc chăn nuôi, thì không bị "trúất hữu"). Sau khi thiết lập được quyền kiểm soát trên toàn bộ miền Nam, từ tháng 4-1955 đến tháng 5-1956, Mĩ - Diệm phát động "chiến dịch tổ cộng" giai đoạn I, gọi là giai đoạn

mở rộng diện để gây xáo trộn và phát hiện cộng sản. Để phụ trách, theo dõi và rút kinh nghiệm tổ cộng, diệt cộng, chính quyền Diệm cho thành lập Phủ đặc uỷ công dân vụ (3-1955) và Hội đồng chỉ đạo tổ cộng. Trên cơ sở tăng cường bộ máy đàn áp, Mĩ - ngụy liên tiếp tổ chức các chiến dịch khủng bố, tàn sát lực lượng yêu nước.

Tháng 2-1955, Diệm mở chiến dịch Phan Chu Trinh, đánh phá thí điểm các tỉnh Trung Bộ, trọng điểm là tỉnh Quảng Nam. Tháng 4-1955, chúng mở chiến dịch giải phóng, đánh phá Quảng Ngãi và Bắc Bình Định.

Tháng 5-1955, chúng mở chiến dịch Trịnh Minh Thế, đánh phá toàn diện các tỉnh Liên khu V, v.v... Trong các chiến dịch tổ cộng, diệt cộng, Mĩ - ngụy đã huy động gần như toàn bộ lực lượng cảnh sát, mật vụ và một bộ phận quân đội. Chúng nêu khẩu hiệu hành động: "Tiêu diệt cán bộ nằm vùng", "Tiêu diệt cộng sản tận gốc", "Thà giết nhầm còn hơn bỏ sót", nhằm kích thích quân đội, cảnh sát và những tên tay sai ác ôn điên cuồng đánh phá cơ sở cách mạng, giết hại những người yêu nước những người tán thành đấu tranh thống nhất đất nước. Khoảng 4000 tên ác ôn thuộc Phủ đặc uỷ công dân vụ và 600 tên cán bộ tâm lí chiến cùng các lực lượng cảnh sát miền Trung Trung Bộ đã gây ra các vụ thảm sát dã man ở nhiều nơi.

Tháng 9-1954, Mĩ - Diệm chôn sống 21 đồng bào ta ở Chợ Đước (Quảng

Nam). Tháng 1-1955, chúng dìm 42 người yêu nước xuống đập Vĩnh Trinh (Quảng Nam). Tháng 7-1955, chúng gây ra vụ triệt hạ Hương Điền (Quảng Trị), giết hại một cách dã man một lúc 92 dân thường (trong đó có 31 trẻ em). Cùng thời gian này, Mĩ - Diệm đem quân đánh phá ác liệt huyện Đại Lộc (Quảng Nam), bắt giam, tra tấn và giết chết 500 đồng bào ta .

Bằng những chiến dịch khủng bố, tàn sát, trên thực tế Mĩ - Diệm đã gây ra cuộc chiến tranh một phía. Đây là một kiểu chiến tranh chỉ do một bên Mĩ -Diệm tiến hành và được xem như một chiến lược của Mĩ ở miền Nam Việt Nam từ sau Hiệp định Giơnevơ đến cuối năm 1959.

Trên toàn miền Nam lúc này, cuộc đấu tranh của nhân dân ta trải qua những năm tháng vô cùng khó khăn, ác liệt. Trước sức đánh phá của địch qua nhiều đợt tổ cộng, diệt cộng, cách mạng miền Nam đã chịu những tổn thất nặng nề chưa từng có. Trong bốn năm (1955 - 1958), cả miền Nam tổn thất 9110 cán bộ, đảng viên. ở Nam Bộ, khoảng 7 vạn cán bộ, đảng viên bị địch giết; gần 90 vạn cán bộ, nhân dân bị bắt và bị tù đày; gần 20 vạn người bị tra tấn thành tàn tật, chỉ còn 5.000 so với 60.000 đảng viên trước đó. Tỉnh Bến Tre chỉ còn 162 đảng viên; Tiền Giang còn 92; Gia Định, Biên Hoà, mỗi nơi chỉ còn một chi bộ Đảng. Ở khu V (gồm cả Trị - Thiên và cực Nam Trung Bộ), khoảng 40% Tỉnh uỷ

viên, 60% Huyện uỷ viên, 70% Chi uỷ viên bị bắt, bị giết; có tỉnh chỉ còn 2 - 3 chi bộ; 12 huyện vùng đồng bằng không còn cơ sở Đảng. Riêng Trị - Thiên, số đảng viên từ 23.400 chỉ còn 160 người .

Bằng những thủ đoạn dã man, tàn bạo, Mĩ - Diệm hi vọng có thể khuất phục được nhân dân miền Nam. Nhưng chúng đã nhầm. Nhân dân miền Nam cùng với toàn thể dân tộc đã từng vùng dậy đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp để giành quyền làm chủ. Ngay sau đó, đồng bào miền Nam lại đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám. Một dân tộc như vậy không bao giờ chịu cúi đầu làm nô lệ cho chủ nghĩa thực dân một lần nữa.

Tình hình quốc tế và trong nước cũng có nhiều chuyển biến thuận lợi cho ta. Các lực lượng cách mạng trên thế giới đang ở thế tấn công vào chủ nghĩa đế quốc. Miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng và đang bước vào thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, do phải đối mặt với một kẻ thù có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất trong thế giới tư bản, lại có những thủ đoạn nham hiểm, xảo quyệt, trong tình trạng đất nước bị chia cắt và sự bất hoà giữa các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, tiến tới thực hiện thống nhất đất nước sẽ diễn ra lâu dài và vô cùng gay go, phức tạp.

Sau Hiệp định Giơnevơ, phần lớn lực lượng quân đội, cán bộ, đảng viên miền Nam ra tập kết tại miền Bắc. Do đó, so sánh lực lượng hai bên ở miền Nam không có lợi cho ta.

Trong hoàn cảnh ấy, Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị (9- 1954) đã nêu rõ: Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam phải từ hình thức đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị. Nhiệm vụ trước mắt của nhân dân miền Nam là đấu tranh thực hiện đình chiến, củng cố hoà bình đòi các quyền tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất tranh thủ độc lập, chống khủng bố, bảo vệ những thành quả mà quần chúng đã giành được trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Cán bộ, đảng viên ở miền Nam nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật. Những cán bộ bị lộ được điều sang các địa phương khác, hoặc tạm ngừng hoạt động để che giấu lực lượng. Việc vận động nguy quân, nguy quyền và đưa người của ta vào hoạt động trong các tổ chức của địch được chú ý. Các tổ chức quần chúng công khai được xây dựng ở cả nông thôn và thành thị. Theo phương hướng chỉ đạo của Trung ương, từ tháng 8, tháng 9- 1954, ta đã tổ chức quần chúng mít tinh, biểu tình, hội thảo mừng hoà bình, đòi địch không được trả thù những người kháng chiến cũ. Tại các thành phố lớn (Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng), hàng vạn người lao động, trí thức, học sinh, sinh viên tập hợp trên các đường phố, hoan nghênh

Hiệp định Giơnevơ, chào đón hoà bình.

Phong trào đấu tranh chính trị nhanh chóng lan rộng khắp các tỉnh miền Trung. Tiêu biểu nhất cho phong trào đấu tranh chính từ lúc này là phong trào hoà bình Sài Gòn - Chợ Lớn (1- 8-1954) của đông đảo trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động. Lãnh đạo phong trào là những trí thức yêu nước có uy tín (Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Giáo sư Phạm Huy Thông...).

Sau khi ra tuyên bố nêu rõ tôn chỉ, mục đích đấu tranh cho hoà bình ở Đông Dương được củng cố, quyền tự do dân chủ được bảo đảm, nước Việt Nam được thống nhất bằng tuyến cử tự do trong cả nước, thanh thế của phong trào ngày càng rộng lớn. Ở khắp các xưởng lớn, các trường học, khu phố... Ủy ban bảo vệ hoà bình được thành lập và hoạt động công khai.